TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T.N
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02 /2018/HSST
Ngày: 05/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T. N – TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Phước V**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị H

2/ Bà Huỳnh Thị Ch

- *Thư ký phiên tòa*: **Bà Hoàng Thị L** – thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa*: **bà Lê Thị H -** Kiểm sát viên.

Ngày 05/01/2018 tại Hội trường A – Tòa án nhân dân huyện T. N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2017/HSST ngày 23 tháng 11 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2017/HSST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện T. N đối với bị cáo:

Trần Kim B - sinh ngày: 20/7/1995. CMND số: 272442146 do công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01/12/2010. Nơi cư trú: ấp T .C .V, xã B. H 2, huyện T. N, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: sửa xe; Trình độ học vấn: 8/12. Họ tên cha: Trần Văn Sáng (1959) và mẹ: Nguyễn Thị Tuyết Mai (1969) Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 03 anh em và chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Hiện bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 09/11/2017 (có mặt).

*<u>*Người bị hại:</u>*

Ông Đoàn Văn C. sinh năm 1968

Nơi cư trú: ấp T .C .V, xã B. H 2, huyện T. N, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

*<u>*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:</u>*

Ông Trần Văn S, sinh năm 1959
Nơi cư trú: ấp T .C .V, xã B. H 2, huyện T. N, tỉnh Đồng Nai. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 06/11/2017, Trần Kim B sau khi đã ăn nhậu tại nhà một người bạn tên Địa , do không có tiền tiêu xài nên Bằng đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản tại tiệm sửa xe nhà ông Đoàn Văn C – sinh năm: 1968,

Lúc này Trần Kim B đi bộ ra hướng Quốc lộ 1A để đến tiệm sửa xe nhà ông Đoàn Văn C. Do trước đây Bằng từng làm thợ sửa xe tại nhà ông C, nên B biết phía trên cánh cửa kéo ở tiệm sửa xe có một lỗ hổng có thể chui lọt vào bên trong và B biết vị trí nơi ông C cất giữ tiền. B đứng từ bên ngoài quan sát thấy trong nhà ông C mọi người đã đi ngủ, nên B đã trèo lên trên cánh cửa kéo bên ngoài tiệm sửa xe để đột nhập vào bên trong thông qua lỗ hổng bên trên cửa kéo. Sau khi đã đột nhập được vào bên trong cửa tiệm, B đi đến tủ đựng tiền, rồi dùng tay mở ngăn tủ thứ hai bên trái từ ngoài vào (ngăn tủ không có ổ khóa) và lấy trộm số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng). Sau khi lấy trộm được tiền của ông C, B đã tẩu thoát ra ngoài qua đường lỗ hổng đã đột nhập vào và đi bộ về nhà cất giấu số tiền đã trộm cắp được. Đến ngày 09/11/2017, Trần Kim B đã đến Công an huyện T. N đầu thú.

Tại cáo trạng số 91/CT. VKS – HS ngày 22/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T. N truy tố bị cáo Trần Kim B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Kim B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T. N trình bày lời luận tội và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 138, Điểm b,h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.;

Xử phạt bị cáo Trần Kim B từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Kim B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xét lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận Trần Kim B đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà ông Đoàn Văn C lấy trộm số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng) . Hành vi của bị cáo đã phạm tội: "trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự như bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, tài sản hợp pháp được pháp luật bảo hộ. Hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Cần có mức án đủ nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo và gia đình đã bồi thường cho người bị hại; được người bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ được xem xét khi lượng hình theo quy định tại : Điểm b, p, h Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự

Từ việc đánh giá toàn diện các tình tiết nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo giáo dục dưới sự giám sát của cấp có thẩm quyền, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, cần áp dụng Điều 31 Bộ luật hình sự xử phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ nghiêm. Hiện nay bị cáo không có việc làm, không có thu nhập nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: ông Đoàn Văn C đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Kim B** phạm tội: **"Trộm cắp tài sản".**

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm b ,h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự ; khoản 3 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự

Xử phạt: Trần Kim Bằng : 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 58 ngày tạm giam x 3= 174 ngày .

Thời gian cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành là 01 (một) năm 06 (sáu) ngày. Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Trần Kim B được tính từ ngày UBND xã B H 2, huyện T. N, tỉnh Đồng Nai nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Trần Kim B cho UBND xã B H 2, huyện T N giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên toà nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Kim B phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H.Đồng Nai;
- Công an H.T N
- Chi cục THADS H.T N;
- Bị cáo; đương sự
- Lưu H.s; AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước V